

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2021
V/v “ *Ly hôn giữa chị H với anh T*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Ông Đàm Viết Khai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 295/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “ *Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lương Thu H, sinh năm 1994.

* Bị đơn: Anh Trần Quang T, sinh năm 1989.

Đều trú tại: Xóm 2, xã C, huyện T, Thành phố

(Chị H, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại Tòa án Nguyên đơn chị Lương Thu H trình bày:

Chị Lương Thu H và anh Trần Quang T kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2017, hai bên tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, Thành phố H vào ngày 30/11/2017. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh T chửi, quát mắng dọa đánh đập chị H. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, thường xuyên cãi nhau nên tháng 8/2019 chị H đã đi khỏi gia đình anh T về sống cùng bố mẹ đẻ, từ thời gian đó đến nay chị H và anh T sống ly thân, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, nay chị H thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Lương Thu H và anh Trần Quang T có 01 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 01/4/2019. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Quang T trình bày:

Anh Trần Quang T và chị Lương Thu H kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2017, sau khi cưới vợ chồng anh T sống cùng bố mẹ đẻ anh T, trong thời gian chung sống vợ chồng sống bình thường, chỉ đến khi chị H sinh con thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, chị H bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Từ thời gian đó anh T và chị H sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh T có gặp nói chuyện với chị H để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị H không đồng ý về đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn và đề nghị được đoàn tụ.

- Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 01/4/2019 hiện nay con chung đang ở với chị H, anh T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung.

- Về tài sản vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, bà Đỗ Thị N là mẹ đẻ của chị H trình bày:

Tháng 11 năm 2017 chị Lương Thu H và anh Trần Quang T kết hôn, tuy nhiên vợ chồng sống chung được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, đến khoảng tháng 8 năm 2019 chị H về nhà bà N ở cho đến nay. Trong thời gian chị H và anh T sống ly thân, anh T đến nói chuyện nhưng vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau. Nay chị H xin ly hôn với anh T bà N đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị H và anh T có 1 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 01/4/2019 hiện nay con chung đang ở với chị H, do cháu còn nhỏ nên nếu chị H và anh T ly hôn thì đề nghị Tòa án giao con cho chị H nuôi dưỡng.

* Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh T trình bày:

Anh T và chị H kết hôn tháng 11/2017, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà T không thấy anh T chị H mâu thuẫn, đến tháng 6 âm lịch năm 2019 chị H mang con đi khỏi gia đình bà T về nhà mẹ đẻ ở. Trong thời gian đó gia đình bà T đến gia đình bà N là mẹ chị H đề nghị cho chị H về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh T và chị H có 1 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 01/4/2019 nếu chị H và anh T ly hôn thì đề nghị giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Anh T chị H không có tài sản chung.

* Xác minh tại UBND xã C, huyện T, Thành phố H, chính quyền địa phương cung cấp:

Chị Lương Thu H và anh Trần Quang T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, Thành phố H vào ngày 30/11/2017, do vợ chồng chị H anh T mâu thuẫn chị H gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung chị H và anh T có 1 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 01/4/2019, hiện nay con chung đang ở với chị H. Về tài sản vợ chồng: chính quyền địa phương không biết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ. Về thẩm quyền giải quyết vụ

án: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định. Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị H và xử cho chị H được ly hôn anh Trần Quang T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 là Trần Anh T, sinh ngày 01/4/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để chị H nuôi con chung.

Về tài sản vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Lương Thu H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Quang T, đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại xã C, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

3.] Về nội dung vụ án:

3.1. Về quan hệ vợ chồng:

Chị Lương Thị Thu H kết hôn với anh Trần Quang T vào tháng 11 năm 2017, hai bên tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2017 tại UBND xã C, T, H, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thu H với anh Trần Quang T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên sau thời gian hơn 1 năm chung sống vợ chồng chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T thường chửi chị H, vợ chồng trái ngược về quan điểm sống, do mâu thuẫn căng thẳng nên khoảng tháng 8 năm 2019 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay hai vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã tan vỡ, không thể đoàn tụ, nên đề nghị được ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T xin đoàn tụ với lý do mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, tuy nhiên tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị H nhưng đề nghị được nuôi con chung.

Xét quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Lương Thu H với anh Trần Quang T đã tan vỡ, vợ chồng sống không hạnh phúc, không còn khả năng đoàn tụ, cả anh T và chị H đều xác nhận tình cảm vợ chồng đã không còn, đều nhất trí ly hôn nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lương Thu H, xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp.

3.2] Về con chung: Chị Lương Thu H và anh Trần Quang T có 1 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 01/4/2019 hiện nay cháu T đang ở cùng chị H.

Tại phiên tòa chị Lương Thu H và anh Trần Quang T đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bên kia đóng góp phí tổn nuôi con.

Xét hiện nay cháu Trần Anh T chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu T đang ở cùng chị H, chị H có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập đủ điều kiện nuôi con. Nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Anh T cho chị Lương Thu H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung: Chị Lương Thu H không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung, nên tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung cho anh T cho đến khi có thay đổi khác.

3.4] Về tài sản vợ chồng: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.] Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5.] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Lương Thu H được ly hôn anh Trần Quang T
2. Về con chung: Chị Lương Thu H và anh Trần Quang T có 1 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 01/4/2019. Giao cho chị Lương Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh T, đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác.

- Tạm hoãn việc đóng góp phí tôn nuôi con chung đối với anh Trần Quang T đến khi có thay đổi khác.

- Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của anh Trần Quang T được pháp luật đảm bảo.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lương Thu H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số AA/2018/0012531 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện;
- THA DS huyện;

**TM HỘI ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- UBND xã C
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Trung Hòa